TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 71/2025/DS-PT
Ngày 21/02/2025
V/v tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 626/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1013/2025/QĐ-PT ngày 08/02/2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Vũ Thị H (tên gọi khác: Vũ Thị Ng), sinh năm 1961; địa chỉ: số nhà 112, tổ dân phố 9, phường Tân Thanh, thanh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Bị đơn:***

1. Ông Vũ Tiến A, sinh năm 1973 và bà Phan Vũ Kiều O, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: số nhà 118, tổ dân phố 5, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Tiến A: Bà Phan Vũ Kiều O, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 118, tổ 5, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1970 và ông Đinh Văn M, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*** Bà Vũ Thị S (tên gọi khác: Vũ Thị Q), sinh năm 1965; địa chỉ: số nhà 215, tổ dân phố 9, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái B1 - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến C - Phó Chủ tịch; vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1964; địa chỉ: đội 24, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1978; địa chỉ: bản Pa Kéo, trung tâm Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H1: Bà Vũ Thị H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1970 và ông Đinh Văn M, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; đều vắng mặt.

5. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà 7, tổ dân phố 2, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

6. Bà Phan Vũ Kiều O, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 118, tổ dân phố 5, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

7. Bà Vũ Thị Tr, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà 93, tổ dân phố 8, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: ấp Ông Tượng, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Đào Văn N, sinh năm 1972 và bà Trần Thị H2, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; đều vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Ông Nguyễn Thế Q1; địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

2. Ông Bùi Quang Kh; địa chỉ: số nhà 36A, tổ dân phố 3, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Vũ Thị H (Vũ Thị Ng) trình bày:***

Bà Vũ Thị H là con gái cả của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3. Cụ Th chết năm 1998, cụ H3 chết năm 2004, đều không để lại di chúc. Hai cụ có 08 người con đẻ là: bà Vũ Thị H (tên thường gọi là Vũ Thị Ng), bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị Tr, bà Vũ Thị B, ông Vũ Tiến An, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H1. Hiện

nay cả 08 người con đều còn sống, hai cụ không có con riêng và không có con nuôi.

Khi còn sống cụ Th, cụ H3 đã khai hoang và tạo lập được khối tài sản chung là khoảng hơn 3.440m^2 đất tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; ngoài ra, hai cụ còn có một ngôi nhà xây một tầng hiên tây mái chảy, 04 gian lợp ngói đỏ và các công trình phụ khác.

Do nhà có đông con, đất nhiều, sợ Nhà nước thu hồi đất và phải nộp nhiều tiền thuế nên năm 1996 cụ Th, cụ H3 tách đất thành 3 thửa (1636, 1636a, 1636b tờ bản đồ 361-E) để nhờ các con đứng tên hộ, trong đó thửa đất số 1636 cụ Th và cụ H3 sử dụng và đứng tên kê khai; thửa đất số 1636a đứng tên bà Vũ Thị S; thửa đất số 1636b đứng tên bà Vũ Thị B.

Thửa đất 1636 có diện tích 2400m^2 (trong đó: 400m^2 đất thổ cư, 2000m^2 đất vườn), có vị trí nằm phía sau hai thửa 1636a, 1636b. Trên đất có 01 ngôi nhà xây một tầng hiên tây mái chảy, 04 gian lợp ngói đỏ và 01 nhà bếp 02 gian được hai cụ xây dựng từ năm 1987. Thửa đất này chưa chia và chưa chuyển nhượng cho ai sau khi hai cụ chết.

Thửa đất số 1636a, có diện tích 508m^2, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho bà Vũ Thị S từ năm 1998. Toàn bộ diện tích đất này trước đây là ao, có một mặt tiếp giáp với đường Quốc lộ 279. Trước khi cụ H3 chết, có dặn lại là chia cho ông An 8 mét bám mặt đường Quốc lộ 279, chia cho bà S 4 mét bám mặt đường Quốc lộ 279, chiều dài của cả hai phần đất này ngang bằng với tường bao phía sau của gia đình B M; phần đất còn lại có chiều rộng khoảng hơn 5 mét thì làm đường đi vào thửa đất 1636. Sau khi cụ H3 chết, các chị em trong gia đình đã thống nhất chia theo ý nguyện của cụ, được thể hiện tại Biên bản họp ngày 15/8/2004. Bà S bán cho vợ chồng ông A phần đất được cụ H3 cho là 4 mét. Sau đó bà S đã làm thủ tục chuyển nhượng cho ông A toàn bộ diện tích đất trong GCNQSDĐ mang tên Vũ Thị S. Hiện tại thửa đất này ông A, bà O đang sử dụng, trên đất không có vật kiến trúc, cây trồng gì. Phần diện tích đất cụ H3 cho bà S, ông A, các chị, em không có tranh chấp gì.

Các chị, em chỉ tranh chấp với ông A, bà O 3 mét đất chiều rộng bám mặt đường 279 là phần đất làm đường đi vào thửa số 1636 (khoảng 175,56m^2 có chiều rộng 5,7 mét; chiều sâu 30,8 mét), hiện nay phần đất này đang nằm trong GCNQSDĐ của ông A, bà O.

Thửa đất số 1636b, có diện tích 532m^2, được UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSDĐ cho bà Vũ Thị B từ năm 1996, có vị trí một mặt tiếp giáp với đường Quốc lộ 279. Khi hai cụ còn sống đã chia cho bà B 7 mét chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279, chiều dài khoảng 26 mét (đến hết tường bao phía sau nhà B M xây từ khi hai cụ còn sống). Trước khi cụ H3 chết có dặn lại các con là chia cho 05 chị em Vũ Thị Ng, Vũ Thị M1, Vũ Thị Tr, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người 01

mét chiều rộng bám mặt đường 279, chiều dài bằng với tường bao phía sau của nhà B M; vợ chồng B M có trách nhiệm tách đất cho 05 chị em. Sau khi cụ H3 chết, các chị em thống nhất chia đất như lời mẹ dặn. Sau đó, vợ chồng B M đã mua lại của 05 chị em 5 mét đất này. Các chị em trong nhà không tranh chấp gì về việc phân chia này. Hiện tại thửa đất 1636b vợ chồng B M là người đang quản lý, sử dụng và đã xây nhà 02 tầng, sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai trong gia đình.

Sau khi cụ H3 chết, các chị em trong gia đình đã tổ chức họp nhiều lần về việc phân chia di sản của bố mẹ. Biên bản họp ngày 15/8/2004 được lập sau khi cụ H3 chết được 03 ngày; tại cuộc họp có đầy đủ các chị em trong gia đình tham gia, có đại diện họ hàng hai bên nội, ngoại. Toàn bộ nội dung cuộc họp đều ghi lại ý nguyện của cụ H3 khi còn sống, còn tỉnh táo, minh mẫn. Do đó, lời dặn của cụ đều được các con tôn trọng, công nhận và thống nhất thực hiện, ký tên vào biên bản họp ngay tại cuộc họp; riêng bà Tr có mặt, nhất trí nhưng không ký. Bà Ng là người viết biên bản, hiện tại biên bản gốc vẫn được lưu giữ trong sổ tay ghi chép của các chị em. Nội dung Biên bản họp ngày 15/8/2004 được thực hiện như sau:

Tiền phúng viếng sau khi đã trừ chi phí mai táng cho cụ H3, còn lại 24.938.000 đồng, đã giao cho ông A quản lý theo thống nhất chung của các chị em trong gia đình. Tài sản cụ H3 để lại 01 dây chuyền 5 chỉ, 01 đôi hoa tai bằng vàng; các chị em đã thống nhất chia cho bà H1 đôi hoa tai, cháu Vũ Trang Linh (con gái của vợ chồng A - O) dây chuyền 5 chỉ để làm kỷ niệm. Số tiền phúng viếng + tiền lương của cụ H3 + tiền tử tuất + tiền vợ chồng M B vay cụ 6.000.000 đồng, chị em trong gia đình thống nhất giao cho ông A để gửi vào ngân hàng sử dụng chi tiêu vào việc thờ cúng hàng tháng, hàng năm cho hai cụ. Đây là các nội dung không có trong lời dặn của cụ H3 trước khi chết. Số tiền 6.000.000 đồng vợ chồng M B vay cụ, sau khi cụ mất, vợ chồng M B đã trả lại để mua bàn thờ.

Đất của hai cụ được ghi lại theo di nguyện của cụ H3 là chia đất theo chiều ngang bám mặt đường Quốc lộ 279, cụ thể: Chia cho vợ chồng M B 7 mét; chia cho ông A 8 mét; chia cho bà S 4 mét; chia cho 05 chị em gồm: Ng, H1, T, Tr, M1 mỗi người 01 mét = 05 mét; 05 mét còn lại làm đường đi vào thửa đất của 02 cụ phía sau (là thửa 1636). Nội dung này được các chị em thực hiện theo di nguyện của mẹ.

Còn nhà và mảnh vườn đằng sau của hai cụ, trước khi chết, cụ H3 không dặn dò gì các con. Tuy nhiên, tại cuộc họp ngày 15/8/2004, các chị em đã thỏa thuận thống nhất ghi vào biên bản là: "*Còn nhà và mảnh vườn đằng sau có ao giáp đất bà Tuyết để lại không được bán để có chỗ đi về hương khói, khi dột nát các con phải có trách nhiệm tu sửa, nếu ông A ở mà nhà dột nát, thì ông A phải tu sửa. Làm nhà từ đường".* Nội dung này là do các chị em họp bàn, thống nhất ghi vào để giữ đất và để ông A có trách nhiệm gìn giữ tài sản của bố mẹ, đây không phải lời dặn của cụ H3.

Sau khi cụ H3 chết, ông A tự ý bán một phần đất ao là 216m^2 của bố mẹ cho vợ chồng ông N bà H1, tiền bán đất ông A tự chi tiêu riêng mà không sử dụng vào việc chung của gia đình. Các chị em đều biết việc bán đất này nhưng không ai phản đối, vợ chồng ông N bà H1 đã xây dựng nhà trên đất, sử dụng ổn định, các chị em không tranh chấp với vợ chồng ông N bà H1, nhưng đề nghị Tòa án khấu trừ phần diện tích đất này vào suất thừa kế chia cho ông A.

Ngoài ra, ông A còn lấn chiếm một phần đất làm đường đi chung vào thửa 1636 dẫn đến tình cảm chị em bị sứt mẻ, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột và gây thương tích kéo dài từ năm 2006 cho đến nay. Đã nhiều lần chính quyền địa phương, Công an huyện Điện Biên, Tòa án huyện Điện Biên giải quyết tranh chấp và hòa giải nhưng đều không mang lại kết quả.

Bà Ng không chấp nhận ý kiến của ông A về việc cụ H3 cho ½ diện tích đất của thửa 1636 (tương đương 1.200m^2), vì khi còn sống cụ H3 đã chia cho ông A 8 mét đất giáp mặt đường, toàn bộ số đất còn lại cụ H3 chưa định đoạt và cũng không tuyên bố cho ông A, không có giấy tờ, tài liệu nào thể hiện ý chí của cụ H3 cho A ½ đất này. Mặt khác, tại cuộc họp ngày 15/8/2004 ông A tham gia nhưng không nói gì về việc được cụ H3 cho đất.

Trong quá trình giải quyết, bà Ng cho rằng: khi cụ Vũ Văn Th, cụ Bùi Thị H3 còn sống đã cho cho bà Vũ Thị B 7 mét đất chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279, chiều dài khoảng 26 đến 27 mét, mốc chiều dài được xác định theo chiều dài tường bao của gia đình bà B đã xây từ khi hai cụ còn sống; sau khi cụ Th chết, cụ H3 chia đất cho các con có chiều dài như chiều dài đất đã cho vợ chồng B M. Do đó, toàn bộ phần diện tích đất còn lại trong GCNQSDĐ của thửa 1636a và 1636b đều là di sản thừa kế của cụ Th và cụ H3.

Vì vậy, bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất cho 08 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Văn Th, bà Bùi Thị H3 theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu ông Vũ Tiến A, bà Phan Vũ Kiều O phải trả lại một phần đất đường đi vào thửa 1636 (do một phần đất này đang nằm trong GCNQSDĐ của ông A, bà O).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 427737, số vào sổ GCN CH00342 do UBND huyện Điện Biên cấp cho ông Vũ Tiến A và bà Phan Vũ Kiều O ngày 01/01/2014.

Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, ngày 15/9/2023 bà Ng bổ sung, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện:

- Chia thừa kế đối với phần diện tích đất 102,26m^2 thuộc thửa đất 1636a mang tên ông Vũ Tiến A và bà Phan Vũ Kiều O được UBND huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 427737, số vào sổ GCN CH00342 ngày 01/01/2014;

- Chia thừa kế đối với phần diện tích đất 160,48m^2 thuộc thửa 1636b mang tên bà Vũ Thị B được UBND huyện Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 440/QSDĐ/01 ngày 01/10/1996;

- Yêu cầu phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất từ 2.400m^2 lên 2.781m^2 của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3 theo quy định của pháp luật cho 08 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất; khấu trừ 216m^2 vào phần di sản thừa kế được chia cho ông Vũ Tiến A (vì đã tự ý bán đất của cụ Th và cụ H3 cho vợ chồng ông Đào Văn N và bà Trần Thị H2).

Lý do bà Ng bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện: Cụ Vũ Văn Th, cụ Bùi Thị H3 khi còn sống đã cho vợ chồng bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M 7 mét đất có chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279, chiều dài khoảng 26 đến 27 mét, được xác định theo chiều dài tường bao của gia đình bà B đã xây từ khi hai cụ còn sống; sau khi cụ Th chết, cụ H3 chia đất cho các con có chiều dài như chiều dài đất đã cho vợ chồng B M. Do đó, phần diện tích đất còn lại trong GCNQSDĐ của thửa 1636a và 1636b đều là di sản thừa kế của cụ Th và cụ H3.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ng đề nghị Tòa án căn cứ vào diện tích đất thực tế còn lại theo số liệu đo đạc của cơ quan chuyên môn để chia thừa kế cho 08 chị em. Phần diện tích đất lấy ra từ GCNQSDĐ của ông A bà O được gộp vào lối đi cũ để làm đường đi chung vào thửa đất phía sau.

Phần đất chia cho 06 chị em các bà Ng, T, H1, S, B, M1 được hưởng, đề nghị Hội đồng xét xử gộp lại thành một thửa chung để chia, không tách thành 06 thửa riêng biệt; thửa đất chung này đề nghị chia tiếp giáp với đất nhà B M đang sử dụng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H1 đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng.

Bà Ng, bà S, bà M1, bà B, bà T, bà H1 đều thống nhất đề nghị Tòa án chia quyền sử dụng đất cho các bà thành một thửa đất chung, mà không tách riêng từng thửa đất (nhằm tránh mất một phần đất làm đường đi), mảnh đất được chia chung cho 6 chị em nối liền với nhà đất của B M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ng, bà S, bà M1, bà B, bà T, bà H1 đề nghị: Sau khi xác định diện tích đất thực tế của vợ chồng B M và vợ chồng A O (là phần đất đã phân chia theo di nguyện của bố mẹ và đã mua của các chị em), phần diện tích đất còn lại theo chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 297 được xác định làm đường đi chung vào thửa đất 1636 (phía sau).

**** Tại Đơn yêu cầu độc lập, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Vũ Thị S trình bày:***

Bà Vũ Thị S là con gái thứ ba của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3.

Về thời điểm hai cụ chết, di sản và nguồn gốc di sản của hai cụ, những người được hưởng di sản và việc phân chia các thửa đất, bà S công nhận nội dung bà Ng đã trình bày là đúng.

Năm 1998 bà S được bố mẹ (là cụ Th và cụ H3) tách đất và cho đứng tên hộ thửa đất số 1636a, có diện tích 508m^2 được UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSDĐ năm 1998. Toàn bộ diện tích đất này là ao, có một mặt tiếp giáp với đường Quốc lộ 279. Trước khi cụ H3 chết, có dặn lại các con là chia cho ông A 8 mét đất bám mặt đường Quốc lộ 279, chia cho bà S 4 mét đất bám mặt đường 279, phần đất còn lại trong GCNQSDĐ làm đường đi vào thửa đất 1636 có chiều rộng khoảng 5,7 mét. Sau khi cụ H3 chết, các chị em trong gia đình thống nhất chia đất theo ý nguyện của mẹ, được thể hiện tại Biên bản họp ngày 15/8/2004.

Phần đất ông A, bà S được mẹ cho và phần đất làm đường đi đều nằm trong GCNQSDĐ mang tên Vũ Thị S. Su đó, bà S bán cho ông A, bà O phần đất được mẹ cho.

Năm 2006, bà S làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trong sổ đỏ đứng tên mình cho ông A, bà O (gồm: 4 mét chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279 mẹ cho bà S; 8 mét đất chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 297 mẹ cho ông A và phần đất làm đường đi vào thửa 1636).

Thửa đất số 1636b, có diện tích 532m^2, GCNQSDĐ mAg tên Vũ Thị B được cấp từ năm 1996, có một mặt tiếp giáp với đường Quốc lộ 279. Khi hai cụ Th H3 còn sống đã chia cho bà B 7 mét chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279. Trước khi cụ H3 chết có dặn lại là chia cho 05 chị em Vũ Thị Ng, Vũ Thị M1, Vũ Thị Tr, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người 01 mét đất chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279; vợ chồng B M có trách nhiệm tách đất cho 05 chị em.

Sau khi cụ H3 chết, các chị em trong gia đình thống nhất và tự chia đất như lời dặn của mẹ. Bà B, ông M đã mua lại 5 mét đất của 05 chị em (Ng, Tr, M1 T, H1). Cả 08 chị em trong gia đình không có ai tranh chấp gì về việc phân chia này. Hiện tại thửa đất 1636b vợ chồng B M là người quản lý, sử dụng, đã xây nhà 02 tầng và sử dụng ổn định, không trAh chấp với ai trong gia đình.

Tại cuộc họp ngày 15/8/2004 có đầy đủ các chị em trong gia đình tham gia, có đại diện họ hàng hai bên nội ngoại. Toàn bộ nội dung cuộc họp đều ghi lại ý nguyện của cụ H3 đã dặn dò bà S và các em T, H1 khi cụ còn tỉnh táo, minh mẫn nên được các chị em trong gia đình tôn trọng, công nhận và thống nhất thực hiện, ký tên vào biên bản họp ngay tại cuộc họp; riêng bà Tr có mặt, nhất trí nhưng không ký. Bà Ng là người viết biên bản này vào cuốn sổ tay ghi chép chung của các chị em.

Nội dung Biên bản họp, thành phần tham gia cuộc họp ngày 15/8/2004 và quá trình ông A tự ý chuyển nhượng một phần đất của di sản thừa kế cho vợ chồng ông N bà H1, bà S công nhận như bà Ng trình bày.

Việc ông A cho rằng ½ diện tích đất của thửa 1636 đã được cụ H3 cho ông A là không đúng, bởi bà S chưa bao giờ được nghe cụ H3 nói về việc này, không có tài liệu, giấy tờ hay người nào làm chứng về việc cụ H3 cho ông A một nửa thửa đất. Bà S không chấp nhận ý kiến của ông A.

Bà S có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án:

- Khấu trừ 216m^2 đất vào phần di sản thừa kế được chia cho ông Vũ Tiến A. Vì diện tích đất này ông A đã tự ý bán cho vợ chồng ông N, bà H1 sau khi cụ H3 chết.

- Yêu cầu ông Vũ Tiến A, bà PhA Vũ Kiều O phải trả lại một phần đất làm lối đi chung cho 07 chị em, vì phần đất này đang nằm trong GCNQSDĐ của ông A, bà O.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BS 427737, số vào sổ GCN: CH00342 do Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp cho ông Vũ Tiến A và bà Phan Vũ Kiều O ngày 01/01/2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Vũ Thị S thống nhất quA điểm chia di sản thừa kế như yêu cầu khởi kiện của bà Ng và ý kiến của các chị em khác.

**** Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 01/3/2024, các đơn đề nghị, văn bản trình bày ý kiến, lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Tiến A trình bày:***

Ông A là con trai duy nhất và là con thứ sáu của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3.

Về thời điểm hai cụ chết, di sản thừa kế, nguồn gốc của di sản hai cụ để lại, những người trong hàng thừa kế của hai cụ, ông A trình bày hoàn toàn phù hợp với nội dung bà Ng, bà S và các chị em khác đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình sinh sống, ngoài diện tích đất hai cụ Th H3 khai hoAg, hai cụ còn tạo lập được 01 ngôi nhà xây một tầng hiên tây mái chảy, 04 giA lợp ngói đỏ và 01 nhà bếp 02 giA, tất cả các công trình đều được xây dựng năm 1987. Hiện tại bếp và các công trình phụ khác đã bị đổ sập do xuống cấp theo thời giA; còn ngôi nhà ngói 04 gian hiện đã hư hỏng nghiêm trọng, không sử dụng được.

Diện tích 3440m^2 đất, tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh A, huyện Điện Biên được cụ Th, cụ H3 tách thành 03 thửa riêng biệt là 1636, 1636a, 1636b.

Thửa đất số 1636 có diện tích khoảng 2400m^2, đã được UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSDĐ mAg tên cụ Vũ Văn Th. Sau khi hai cụ chết, thửa đất này chưa chia và chưa chuyển nhượng cho ai. Vị trí thửa đất này nằm ở phía sau của thửa 1636a, 1636b. Sau khi cụ H3 chết, ông A đã bán 216m^2 đất vườn của thửa này cho vợ chồng ông Đào Văn N, bà Trần Thị H2 với giá 50 triệu đồng; số tiền bán đất vợ chồng ông A sử dụng hết. Vợ chồng ông N, bà H1 đã xây dựng nhà tôn trên đất.

Thửa đất số 1636a, có diện tích 508m^2, GCNQSDĐ mang tên Vũ Thị S từ năm 1996. Toàn bộ diện tích đất này là ao, có một mặt tiếp giáp với đường nhựa 279. Khi cụ H3 còn sống, có dặn lại là chia cho ông A 8 mét bám mặt đường Quốc lộ 279, chia cho bà S 4 mét bám mặt đường quốc lộ 279, phần còn lại là 2,7 mét làm đường đi vào thửa đất của hai cụ (thửa 1363). Sau khi cụ H3 chết, các chị em đã thống nhất chia theo ý nguyện của cụ; năm 2005 bà S chuyển nhượng cho ông A phần đất được mẹ cho với giá 60 triệu đồng, trên đất có 01 ngôi nhà 02 giA; ông A đã thanh toán đầy đủ tiền cho bà S, sau đó ông A dỡ nhà, đổ đất lấp ao để san ủi thành thửa đất bằng. Bà S cũng đã chuyển nhượng cho ông A toàn bộ diện tích đất trong GCNQSDĐ. Thửa đất này ông A đã nhiều lần được UBND huyện cấp GCNQSDĐ, sau đó bị thu hồi, hủy bỏ và điều chỉnh lại do làm hành lang giao thông. Đến ngày 01/01/2014, UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSDĐ số 427737, số vào sổ cấp GCN CH00342, mang tên vợ chồng ông Vũ Tiến A, bà Phan Vũ Kiều O với diện tích 508m^2. Hiện tại thửa đất này không có vật kiến trúc, cây trồng trên đất và cũng chưa chuyển nhượng/tặng cho ai.

Thửa đất số 1636b, có diện tích 532m^2, GCNQSDĐ mAg tên bà Vũ Thị B từ năm 1996, có một mặt tiếp giáp với đường nhựa 279. Trước khi cụ H3 chết có dặn lại là thửa đất này chia cho bà B 7 mét mặt đường; chia cho 05 chị em Vũ Thị Ng, Vũ Thị M1, Vũ Thị Tr, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người 01 mét. Sau khi cụ H3 chết, các chị em trong nhà thống nhất và chia đất như lời dặn. Bà B đã mua lại của 05 chị em 5 mét, nên thửa đất 1636b hiện tại bà B là người đang quản lý, sử dụng toàn bộ; bà B đã xây nhà 02 tầng và sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai trong gia đình. Tuy nhiên, ông A cho rằng hiện nay bà B đang sử dụng quá phần diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ của mình; phần diện tích sử dụng vượt quá này thuộc thửa đất số 1636 (có vị trí phía sau thửa đất của bà Bình, tiếp giáp với thửa đất của hai cụ Th H3). Phần đất lấn chiếm đề nghị Tòa án thẩm định, đo đạc để làm rõ. Nếu có việc lấn chiếm thì đề nghị bà B trả lại cho các chị em trong gia đình để chia thừa kế.

Đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 2400m^2 thuộc thửa 1636 thành 08 phần bằng nhau. Ông A cho rằng toàn bộ diện tích đất này là tài sản chung của hai cụ, khi cụ H3 còn sống đã cho ông A toàn bộ diện tích đất này cùng với ngôi nhà của hai cụ để xây dựng thành nơi thờ cúng vì chỉ có một mình ông là con trai duy nhất trong gia đình. Các chị em yêu cầu chia toàn bộ diện tích đất, ông A không đồng ý vì phần của cụ H3 đã cho ông, do đó ông có quyền được hưởng toàn bộ; ông A chỉ đồng ý chia 08 phần bằng nhau đối với ½ diện tích đất là phần di sản của cụ Th để lại.

Việc cụ H3 cho ông A toàn bộ nhà đất của hai cụ không được lập thành văn bản hay di chúc, nhưng trước khi chết cụ H3 đã dặn lại các con và được các chị em trong nhà đều biết. Nội dung này đã được thể hiện tại văn bản họp gia đình ngày 15/8/2004. Tại buổi họp này, có sự tham gia của 07 chị em (vắng mặt bà Tr), có sự chứng kiến của trưởng thôn ông Ngô Q1 (ông Q1 hiện còn sống); có sự tham gia của ông Bùi Văn Vị là em họ của cụ Th (hiện ông Vị đã chết); có sự chứng

kiến của ông Bùi Văn Ơn là em ruột của cụ H3 (hiện ông Ơn đã chết) và ông Trần Văn Thủy là em rể của cụ Th (hiện ông Thủy đã chết).

Ông A nhất trí khấu trừ 216m^2 đất đã bán cho ông N, bà H1 vào phần di sản thừa kế ông được hưởng của bố và đồng ý nhận phần di sản thừa kế của bà Tr tự nguyện chuyển giao lại cho ông để nhập vào phần diện tích đất của mẹ làm nơi thờ cúng để con cháu có chỗ đi lại hương khói cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

Đối với phần đất làm đường đi vào thửa 1636: khi hai cụ còn sống, lối đi vào nhà, đất của hai cụ là đi ra đường đất sang C2 Nông trường Điện Biên, nhưng sau đó cầu đi sang C2 Nông Trường bị lũ cuốn trôi, không lưu thông được nên gia đình ông mở lối đi khác từ đường quốc lộ 279 đi trên bờ ao vào nhà; lối đi này giáp với đường đất đi vào C2 Nông Trường, và nằm trong thửa đất 1636b (508m^2); thời điểm đó lối đi vào thửa 1636 có chiều rộng khoảng 02 mét, sau khi ông A lấp ao đã để lối đi rộng khoảng 2,7 mét như hiện nay. Việc các chị khởi kiện yêu cầu ông A trả lại lối đi vào thửa đất 1636 với chiều rộng 5,7 mét; chiều dài 30,8 mét, tổng diện tích 175,56m^2 là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Điện Biên cấp cho Vũ Tiến A và Phan Vũ Kiều O năm 2014. Ông A công nhận trong diện tích 508m^2 thuộc thửa đất số 1636a có 08m được mẹ cho, có 04m mua của bà S, phần còn lại 3,3 mét nằm trong GCNQSDĐ của bà S, bà S đã chuyển nhượng lại toàn bộ cho ông A, ông A không đồng ý với yêu cầu hủy GCNQSDĐ của vợ chồng ông vì việc được cấp Giấy chứng nhận này là trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà S và ông A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A cho rằng bà Bình đã được hưởng lợi tức từ vườn đất của bố mẹ từ năm 2006 đến nay (16 năm), số tiền thu lợi khoảng 400.000.000 đồng. Ông A đề nghị khấu trừ vào phần di sản thừa kế của bà Bình. Phần di sản còn lại bà Bình không được hưởng thêm mà chia đều cho 07 chị em.

Ngày 01/3/2024 ông Vũ Tiến A có Đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc ông Đinh Văn M, bà Vũ Thị B trả cho ông A số tiền 50.000.000 đồng tương ứng với 1/8 số tiền lợi tức thu được từ cây cối, hoa màu trong vườn đất của hai cụ Th, H3 để lại.

Ngày 16/8/2024 ông Vũ Tiến A thay đổi và bổ sung yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án buộc bà Vũ Thị B trả lại cho ông A ½ số tiền lợi tức từ việc khai thác hoa màu trên vườn đất của bố mẹ để lại là 200.000.000 đồng, để ông A sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên, bố mẹ. Đồng thời, ông A bổ sung yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 300m^2 đất ruộng (đất trồng lúa) của cụ Th, cụ H3 để lại tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh A, huyện Điện Biên; hiện bà B đang sử dụng để trồng cấy và thu lợi trong thời giA 20 năm là 40.000.000 đồng, ông A đề nghị bà B phải trả 1/8 số tiền trên là 5.000.000 đồng. Ông A yêu cầu Tòa án phải xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích ruộng nêu trên.

**** Tại các Văn bản số 1038/UBND-TTQLĐĐ, số 2972/UBND-TNMT ngày 17/11/2023, số 124/UBND-TNMT ngày 19/01/2024 của UBND huyện Điện Biên có nội dung:***

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BS 427737 do UBND huyện Điện Biên cấp ngày 01/01/2014 cho ông Vũ Tiến A, cùng vợ là bà Phan Vũ Kiều O được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**** Tại Bản tự khai không đề ngày tháng năm; các Văn bản trình bày ý kiến, Đơn đề nghị; Biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2023, quá trình giải quyết vụ án, bà PhA Vũ Kiều O trình bày:***

Bà PhA Vũ Kiều O là vợ của ông Vũ Tiến A, hai người kết hôn từ tháng 12/2001, bà O về sống cùng mẹ chồng là cụ Bùi Thị H3 tại thôn Hồng Cúm, xã Thanh A, huyện Điện Biên. Bố chồng bà O là cụ Vũ Văn Th đã chết trước thời điểm bà O về làm dâu. Bố mẹ của ông A (sau đây gọi là hai cụ) có một ngôi nhà xây một tầng gồm 04 gian, lợp ngói + bếp làm bằng cột tre, lợp ranh + các công trình chuồng trại, chăn nuôi lợn, gà. Hai cụ Th, H3 còn có đất ở, đất vườn và đất ruộng, đất bãi màu nhưng diện tích cụ thể là bao nhiêu và ai quản lý sử dụng bà O không biết. Các công trình, vật, kiến trúc trên đất từ khi bà O về làm dâu cho đến khi cụ H3 chết, vợ chồng bà O không nâng cấp, sửa chữa gì lớn và không xây dựng công trình mới trên đất.

Khi về làm dâu các chị em của ông A đều đã xây dựng gia đình riêng và ở riêng, chỉ có ông A là con trai duy nhất đang ở với mẹ. Ở gần nhà cụ H3 phía trước giáp đường Quốc lộ 279 có ngôi nhà tre lợp ranh của gia đình ông bà B M (chị gái ruột của ông A). Khoảng năm 2003, gia đình ông bà B M dỡ bỏ nhà tre, xây nhà một tầng kiên cố trên đất, bà O không biết đó là đất gia đình bà B mua hay bố mẹ cho. Sau này bà O được nghe mẹ chồng nói là đã cho bà B thêm 2 mét đất (chiều rộng bám mặt đường) để mở rộng diện tích đất ở vì trước đó hai cụ đã cho bà B 5 mét.

Phần diện tích đất còn lại, trước khi cụ H3 chết đã dặn dò ông A và sau đó cụ còn dặn lại 03 người con gái là Vũ Thị S, Vũ Thị H1, Vũ Thị T: Cho ông A 8 mét bám mặt đường 279, cho bà S 4 mét bám mặt đường quốc lộ 279, cho bà B 7 mét bám mặt đường quốc lộ 279 (phần đất này đã cho bà B từ trước, bà B đã làm nhà trên đất từ khi cụ H3 còn sống), cho 05 người con gái còn lại mỗi người 01 mét bám mặt đường quốc lộ 279; phần đất phía sau có nhà của bố mẹ thì giao lại cho vợ chồng ông A làm nơi thờ cúng để con cháu có chỗ đi về, không được bán.

Ngày 13/8/2004, cụ H3 chết không để lại di chúc. Sau khi đưa cụ ra đồng, tối ngày 15/8/2004 các chị em trong gia đình tổ chức họp để giải quyết những công việc liên quan đến đám ma của cụ H3 và ghi lại ý nguyện của cụ khi còn sống. Bà O cũng được tham gia từ đầu đến cuối cuộc họp nhưng không ký vào biên bản họp vì đây là việc phân chia tài sản của bố mẹ chồng nên các con đẻ của hai cụ tự thống

nhất. Cuộc họp này bà Tr cũng tham gia, nhưng khi kết thúc biên bản họp vào lúc giữa đêm nên bà Tr không kịp ký tên vào biên bản. Tại buổi họp này, còn có sự tham gia của ông Bùi Văn Vị là em họ của cụ Th (hiện ông Vị đã chết); ông Bùi Văn Ơn là em ruột của cụ Th (hiện ông Ơn đã chết) và ông Trần Văn Thủy là em rể của cụ Th (hiện vợ chồng ông Thủy đều đã chết). Ngoài ra, còn có sự tham gia của ông Bùi Quang Kh và ông Bùi Văn Vụ là cháu ruột của cụ Th nhưng không ký tên vào biên bản, ông Ngô Q1 là Trưởng thôn Hồng Cúm cũng tham gia. Hiện nay ông Kh, ông Vụ và ông Q1 đều còn sống.

Sau khi cụ H3 chết, các chị em trong gia đình đã cùng nhau thực hiện việc chia đất như ý nguyện của cụ, cụ thể: Chia cho bà B 7 mét, bà S 4 mét, ông A 8 mét, 05 chị em còn lại mỗi người 01 mét, còn 5 mét làm đường đi vào nhà đất của hai cụ; Chiều dài của từng thửa đất chia cho mỗi người là 26,5 mét tính theo chiều dài tường bao nhà ông bà B M (vì gia đình B M đã xây tường bao trước đó theo chỉ mốc của hai cụ). Do bà S không có nhu cầu sử dụng đất nên đã đã bán cho ông A, bà O 4 mét và giao GCNQSD đất của bà S cho vợ chồng ông A, bà O, trong đó có cả phần đất làm đường 5m như di nguyện của mẹ. Đến năm 2006, bà S mới làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông A, bà O theo quy định. Đến tháng 01/2007 UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích đất mà bà S chuyển nhượng cho vợ chồng ông A, bà O.

Năm 2008, xảy ra tranh chấp. Đến năm 2010 UBND huyện Điện Biên đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của vợ chồng B M, gia đình bà O đã bị thu hồi GCNQSD đất đối với thửa 1636A do nhầm vị trí. Đến năm 2014 UBND huyện Điện Biên cấp lại GCNQSD đất cho gia đình bà O đối với thửa đất này.

Năm 2017, vợ chồng bà O chủ động liên lạc với các chị em trong gia đình để bàn bạc bạc chia đất của bố mẹ, cụ thể: Phương án thứ nhất, ông A trích một phần giá trị thửa đất của hai cụ (thửa 1636) để chia cho các chị em. Trả cho 05 chị em (Ng, M1, Tr, T, H1) mỗi người 200 triệu đồng, trả cho bà S 100 triệu đồng vì đã được mẹ cho 4 mét, không trả cho bà B vì đã được mẹ cho 7m. Không lập từ đường nữa mà đất của hai cụ sẽ để lại cho cháu đích tôn (cháu Tuấn Anh) là con trai vợ chồng ông A, bà O. Phương án thứ hai, vợ chồng bà O xây lại nhà của hai cụ để ở và thờ cùng lấy chỗ để các chị em đi về hương khói. Đúng lời dặn của cụ H3 trước khi chết.

Sau một thời giA, khi gọi điện trao đổi trực tiếp thì 04 chị em (Ng, M1, S, Tr) đồng ý với phương án 2, riêng bà B không đồng ý. Ngày 01/12/2017, vợ chồng bà O mời các cơ quA chuyên môn (Công A huyện, Công A xã, đại diện UBND xã, đại diện thôn Hồng Cúm) đến xác định hiện trạng công trình trên đất của bố mẹ. Mục đích là để ghi nhận hiện trạng các công trình mà trước đây hai cụ xây dựng và sử dụng để tránh có sự trAh chấp sau này. Vợ chồng bà O không mời các chị em trong gia đình đến để tham gia vì lúc đó ông A là người quản lý trực tiếp công trình này. Ngày 02/12/2017, khi vợ chồng bà O đến làm lễ xin giỡ nhà cũ của hai cụ thì các bà

Ng, M1, B, Sa ra cản trở và không cho thực hiện việc làm lễ. Hai bên có xảy ra ẩu đả, phải mời chính quyền địa phương đến giải quyết.

Việc bà Ng, bà S khởi kiện tại Tòa án đề nghị chia di sản thừa kế của hai cụ để lại cho 8 chị em bà O không đồng ý. Tuy bà O chỉ là con dâu của bố mẹ nhưng trong GCNQSDĐ UBND huyện Điện Biên cấp mAg tên hai vợ chồng ông A, bà O nên bà O cũng có quyền lợi. Bà O chỉ đồng ý chia phần tài sản của cụ Th cho các chị em. Còn phần tài sản của cụ H3 thì đã để lại cho vợ chồng bà O để hương khói, thờ cúng. Việc bà Ng, bà S đề nghị Tòa án trừ 216m^2 đất ao mà ông A đã bán cho vợ chồng ông N, bà H1 năm 2004 bà đồng ý. Thửa đất 1636 có diện tích là 2.400m^2, cụ H3 để lại cho ông A 1200m^2, ông A đã bán cho nhà ông N, bà H1 216m^2, thì phần diện tích đất còn lại ông A được hưởng là 984m^2. Bà O muốn được chia liền kề với thửa đất 1636a để hợp thành một thửa sử dụng, không sử dụng lối đi chung. Phần đất ngõ 2,7 mét bà O đồng ý tính vào phần tài sản của cụ Th để chia thừa kế cho các chị em.

Việc bà Ng, bà S đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà O phải trả lại lối đi chung cho 07 chị em (chiều rộng bám đường Quốc lộ 279 là 5,7 mét và chiều sâu 30,8 mét) có tổng diện tích khoảng 175,56m^2. Bà O không đồng ý với lý do vợ chồng ông A, bà O đã được bà S chuyển nhượng hợp pháp thửa đất 1636a, diện tích 508m^2. Hai bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Ngoài ra, cụ H3 đã chia đất cho các con, 07 chị em không có thửa đất nào, không có lối đi chung nào như yêu cầu khởi kiện của bà Ng, bà S.

Bà OAh không đồng ý việc bà Ng, bà S yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BS 427737 do UBND huyện Điện Biên cấp ngày 01/01/2014 cho vợ chồng ông A, bà O với lý do gia đình ông A nhận chuyển nhượng thửa đất 1636A của bà S là hoàn toàn hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M trình bày:***

Bà B là con gái thứ tư của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3. Ông M là chồng của bà B và là con rể của hai cụ.

Cụ Th chết năm 1998, cụ H3 chết năm 2004, không để lại di chúc; hai cụ có 08 người con. Di sản và nguồn gốc của di sản, vật kiến trúc trên đất và việc phân chia đất theo ý nguyện của cụ H3, bà B công nhận nội dung bà Ng, ông A trình bày là đúng.

Năm 1993 cụ Th, cụ H3 cho vợ chồng bà B, ông M 7 mét đất chiều rộng giáp mặt đường Quốc lộ 279, chiều dài đất khoảng 26 mét (phần chiều dài được cụ H3 chỉ mốc cho vợ chồng B M làm tường bao), cùng năm đó vợ chồng bà B đã làm 03 gian nhà gỗ trên đất.

Để giữ đất, cụ Th và cụ H3 đã tách một phần đất của thửa 1636 thành thửa 1636b cho bà B đứng tên, năm 1996 UBND huyện Điện Biên đã cấp GCNQSDĐ

đối với thửa đất này với diện tích 532m^2, thửa đất có vị trí một mặt tiếp giáp với đường Quốc lộ 279 (chiều rộng bám mặt đường khoảng 12,5 mét), trong đó có cả phần diện tích đất hai cụ cho bà B từ năm 1993.

Năm 1998 cụ Th chết không để lại di chúc. Năm 2002 cụ H3 chia đất cho các con, cụ thể: cho vợ chồng bà B 7 mét chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279, chiều dài là 26 mét (đã trừ hành lang đường bộ), đây cũng chính là phần đất ông M, bà B đã xây nhà 2 tầng; phần diện tích đất còn lại của thửa 1636b cụ H3 chia cho 05 chị em gái là Vũ Thị Ng, Vũ Thị M1, Vũ Thị Tr, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người 01 mét chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279. Năm 2006, vợ chồng bà B mua lại 5 mét đất của 05 chị em (M1, Ng, Tr, T, H1) với giá 150 triệu đồng/1 mét. Sau đó vợ chồng bà B xây tường bao xung quanh toàn bộ diện tích của thửa đất 1636b, không trAh chấp với ai, sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Phần diện tích đất còn lại của thửa 1636b mặc dù đứng tên bà B nhưng đây là đất của bố mẹ để lại chưa chia cho ai nên là di sản để chia thừa kế. Việc bà Ng khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa 1636, một phần thửa 1636a và một phần thửa 1636b, vợ chồng bà B hoàn toàn đồng ý, vì ngoài phần đất cụ H3 cho và các chị em đã tự phân chia, thì phần còn lại trong GCNQSDĐ của gia đình B M và gia đình A O đều là di sản thừa kế của cụ Th, cụ H3 để lại. Bà B nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ng về việc chia đều diện tích đất là di sản thừa kế của bố mẹ cho 08 chị em.

Khoảng năm 2005, ông A đã tự bán 216m^2 đất ao của bố mẹ cho vợ chồng ông N, bà H1 mà không bàn bạc với các chị em trong gia đình, tiền bán đất ông A không chia cho các chị em và cũng không sử dụng vào việc chung của gia đình. Khi gia đình ông N bà H1 đổ đất lấp ao và xây nhà trên đất thì các chị em trong gia đình đều biết nhưng không ai phản đối hoặc ngăn chặn. Gia đình ông N đã sử dụng ổn định phần đất này, bà B và các chị em không tranh chấp. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của các chị em khác, bà B nhất trí với yêu cầu của bà Ng, bà S về việc khấu trừ 216m^2 vào suất thừa kế của A được hưởng.

Bà B nhất trí phương án chia đất: sau khi trừ diện tích đất của hai thửa 1636a và 1636b đã được phân chia cho từng người (có chiều dài 26 mét sau khi đã trừ hành lang đường bộ) theo ý nguyện của cụ H3 được ghi nhận tại Biên bản họp gia đình ngày 15/8/2004, diện tích đất còn lại nhập vào để chia thừa kế cho 08 người con theo quy định của pháp luật.

Nội dung Biên bản họp ngày 15/8/2004 và thành phần tham gia cuộc họp, bà B thống nhất với nội dung bà Ng, bà S trình bày. Tại cuộc họp này, sau khi bàn bạc, các chị em thống nhất ghi vào biên bản nội dung: "*Còn nhà và mảnh vườn đằng sau có ao giáp đất bà Tuyết để lại không được bán để có chỗ đi về hương khói, khi dột nát các con phải có trách nhiệm tu sửa, nếu ông A ở mà nhà dột nát, thì ông A phải tu sửa. Làm nhà từ đường".* Mục đích ghi nội dung này vào biên

bản để giữ đất và để ông A có trách nhiệm trong việc gìn giữ tài sản của bố mẹ, chứ không phải là lời dặn của cụ H3.

Sau khi cụ H3 chết, vợ chồng ông A ở ngôi nhà của hai cụ một thời gian rồi tự chuyển bát hương của hai cụ lên nhà riêng ở phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ. Các chị em gái đã bốc bát hương khác để thờ cúng bố mẹ.

Từ khi cụ Th, cụ H3 còn sống, lối đi là đường đất vào nhà hai cụ có vị trí giáp với nhà đất ông Đào Văn Hòa hiện nay, con đường có chiều rộng khoảng 5 mét. Sau này nhà ông A, bà O làm GCNQSDĐ đã chuyển con đường vào giữa, tiếp giáp với tường bao nhà bà B. Một phần diện tích đất của con đường này vợ chồng ông A bà O đang quản lý, sử dụng bởi đã cấp vào GCNQSDĐ của ông A. Vì vậy, bà B nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Sa về việc buộc vợ chồng ông A, bà O phải trả lại phần đất làm đường đi vào thửa số 1636 (có chiều rộng bám mặt đường 279 khoảng 3 mét, chiều dài đến thửa 1636), bà B đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Ng và bà S về việc hủy một phần diện tích đất trong GCNQSDĐ của ông A, bà O để trả lại đất đường đi vào thửa 1636.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Vũ Tiến A, ông Đinh Văn M và bà Vũ Thị B có ý kiến như sau:

Năm 2006 vợ chồng ông A, bà O chuyển đi ở nơi khác, nhà đất của hai cụ bị bỏ mặc, không có ai quản lý nên trâu bò và các đối tượng nghiện tự do ra vào phá phách, cây cối trong vườn không thu hoạch được vì bị dây tơ hồng dăng kín. Do đó, năm 2016 các chị em đã họp và thống nhất nhờ vợ chồng ông bà B M trông nom, coi giữ đất của bố mẹ để lại. Được sự đồng tình ủng hộ của đa số các chị em, vợ chồng bà B đã trồng ghép giống nhãn lai trên các thân cây nhãn cũ trong vườn, để có thu nhập mua vật tư rào vườn, thuê người dọn cỏ hàng năm. Từ năm 2018 đến 2023 nhãn ghép được thu hoạch nhưng lợi nhuận thu được từ việc bán nhãn không đủ tiền thuê người dọn cỏ thường xuyên và tiền phân bón, chăm sóc; ngoài ra trong vườn còn có cây mít, nhưng khi được thu hoạch đều chia hết cho các chị em trong gia đình, không bán nên không thu lợi. Vì vậy, vợ chồng bà B, ông M không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông A.

Về việc ông A cho rằng vợ chồng ông bà lấn chiếm đường đi chung vào thửa đất 1636 với diện tích 5,0m^2 là không đúng, vợ chồng ông bà có tất cả 12,0 mét chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 279 (7 mét được bố mẹ cho, 5 mét mua của các chị em), 12 mét chiều rộng phía sau giáp thửa đất 1636, chiều dài thửa đất đúng đến ranh giới cụ H3 cho khi còn sống và hoàn toàn phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2023 của cơ quan chuyên môn, vì vậy ông bà khẳng định không lấn chiếm đất đường đi.

**** Tại bản tự khai ngày 22/5/2023, văn bản trình bày ý kiến ngày 10/4/2024; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T trình bày:***

Bà Vũ Thị T là con gái thứ bảy của cụ Vũ Văn Th, cụ Bùi Thị H3. Về thời điểm hai cụ chết, di sản thừa kế, nguồn gốc của di sản, những người được hưởng

di sản, vật kiến trúc trên đất và việc phân chia các thửa đất của di sản thừa kế bà T đều công nhận nội dung bà Ng, ông A, bà S, bà B trình bày là đúng. Bà T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng, yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị S.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Vũ Thị T khai, khi cụ H3 còn sống đã dặn lại bà T, bà S, bà H1 việc chia đất là: bà *B 7 mét, ông A 8 mét, bà S 4 mét, 5 chị em 5 mét, còn 5 mét làm đường vào thửa đất của bố mẹ; chiều dài mỗi phần đất mẹ cho tính ngang với tường bao phía sau nhà B M*. Sau khi mẹ chết, các chị em đã phân chia đất đứng như lời mẹ dặn, không có tranh chấp gì.

Tại cuộc họp ngày 15/8/2004, bà Ng là người viết biên bản vào cuốn sổ tay, chỉ có nội dung chia đất là được ghi theo ý nguyện của cụ H3; còn tiền phúng viếng và các tài sản khác, các chị em tự bàn bạc thống nhất, nội dung: "*Còn nhà và mảnh vườn đằng sau có ao giáp đất bà Tuyết để lại không được bán để có chỗ đi về hương khói, khi dột nát các con phải có trách nhiệm tu sửa, nếu ông A ở mà nhà dột nát, thì ông A phải tu sửa. Làm nhà từ đường"* là do các chị em họp bàn, thống nhất ghi vào để tránh việc các chị em tự ý bán đất, nội dung này không phải lời dặn của cụ H3 trước khi chết.

Bà T đề nghị di sản thừa kế là quyền sử dụng đất chia thành 02 phần, một phần của ông A và bà Tr; một phần của 06 chị em gộp chung thành một thửa, không tách riêng cho từng người và đề nghị chia liền với nhà đất của gia đình B M (thửa 1636b).

Các nội dung khác, bà T thống nhất với lời khai của bà Ng, bà S, bà B, ông M đã trình bày tại phiên tòa.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Vũ Thị M1 trình bày:***

Trước đây do bận việc gia đình, bà M1 đã ủy quyền toàn bộ cho bà Ng thay mặt tham gia tố tụng tại Tòa án, bà M1 nhất trí với các ý kiến và quan điểm bà Ng trình bày với Tòa án. Hiện tại bà M1 đã sắp xếp được công việc nên bà không ủy quyền cho bà Ng nữa, mà sẽ trực tiếp tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Bà M1 hoàn toàn thống nhất với các lời khai của bà Ng, bà S, bà B, ông M, bà T đã trình bày tại phiên tòa, không có nội dung nào trái quan điểm.

**** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 30/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Tr trình bày:***

Bà Vũ Thị Tr là con gái thứ tư của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3. Trong gia đình có 07 chị em gái và 01 cậu con trai duy nhất là ông Vũ Tiến A. Cụ Th, Cụ H3 có 01 mảnh vườn và 01 ngôi nhà tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh A, huyện Điện Biên. Do gia đình đông con, hai cụ muốn giữ đất cho các con nên đã tách đất thành 03 thửa và nhờ các con gái đứng tên hộ (một thửa đứng tên bà Vũ Thị S, một thửa đứng tên bà Vũ Thị B), trên thực tế vẫn là đất của bố mẹ. Năm 2004, cụ H3 chết, trước khi chết cụ có bàn bạc với ông A việc chia đất và dặn lại 03 con gái là các bà S, T, H1. Sau khi cụ H3 chết, ngày 15/8/2004, 08 chị em đã họp phân chia

đất như lời mẹ dặn và lập thành biên bản để cùng nhau thực hiện trước sự chứng kiến của đại diện họ hàng nội ngoại, chính quyền địa phương. Theo nội dung biên bản cụ H3 đã chia đất cho 08 người con: ông A được chia 8 mét mặt đường, bà B được chia 7 mét, bà S được chia 4 mét, phần còn lại 05 chị em mỗi người 01 mét, còn 5 mét để làm ngõ đi vào nhà hai cụ. Nhà và vườn của hai cụ để lại cho ông A để con cháu về hương khói cho hai cụ vào các dịp cúng giỗ, lễ, tết, ý của cụ H3 là không được bán nhà của hai cụ, mong muốn gia đình ông A ở lại đó để thực hiện việc thờ cúng, hương khói.

Bà Tr cho rằng trước khi cụ H3 chết đã chia đất cho các con cụ thể, rõ ràng. Phần còn lại cụ để lại cho vợ chồng ông A, bà O, đó là nguyện vọng chính đáng, cụ mong muốn khi cụ chết các con vẫn đoàn kết, tình cảm với nhau, ông A có trách nhiệm thờ cúng, hương khói đúng theo lời dặn, việc này được các chị em ghi nhận tại Biên bản họp ngày 15/8/2004.

Việc ông A bán 216m^2 đất ao của bố mẹ cho ông N, bà H1 mà không bàn bạc với các chị em là sai, tuy nhiên số tiền bán đất được ông A sử dụng vào việc chung của gia đình. Bà Tr mong muốn giải quyết vụ án theo như Biên bản họp gia đình ngày 15/8/2004, mặc dù trong biên bản họp không có chữ ký của bà Tr nhưng bà khẳng định được tham gia cuộc họp từ đầu đến cuối. Bà Tr đã thực hiện theo đúng nội dung biên bản họp, cụ thể bà đã được hưởng 01 mét đất mẹ cho trước khi chết, bà đã bán lấy tiền và sử dụng vào mục đích riêng của gia đình bà.

Bà Tr đề nghị nếu Tòa án tiến hành chia thừa kế, phần quyền lợi của bà được hưởng bà xin không nhận mà tặng lại cho em trai là ông Vũ Tiến A để thực hiện việc chăm sóc, thờ cúng bố mẹ. Bà Tr xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên xét xử của Tòa án do hiện nay bà đang làm việc và sinh sống ở đảo Phú Quốc, đường xá đi lại quá xa xôi, không có điều kiện tham gia tố tụng.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2023; Văn bản trình bày ý kiến ngày 21/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn N, bà Trần Thị H2 trình bày:***

Ông N, bà H2 là hàng xóm giáp ranh liền kề với diện tích đất của gia đình cụ Th, cụ H3 từ khoảng năm 1982-1983 cho đến nay. Trước đây bố mẹ đẻ ông N là ông Tuyết, bà Lý cũng là hàng xóm giáp ranh liền kề với đất của cụ Th, cụ H3 ở thôn Hồng Cúm, xã Thanh An, huyện Điện Biên. Trong thời gian là hàng xóm láng riềng của nhau, cụ Th, cụ H3 có thỏa thuận đổi đất cho bố mẹ ông N để lấy một chiếc tivi màu.

Khi ông N lập gia đình, bố mẹ ông đã tách đất để vợ chồng ông ra làm nhà ở riêng. Do diện tích đất hẹp nên hai cụ Th - H3 có đặt vấn đề bán cho vợ chồng ông N một phần diện tích đất ao, nhưng chưa thỏa thuận bán bao nhiêu mét và giá trị mua bán là bao nhiêu.

Sau khi cụ Th chết, một vài năm sau cụ H3 có gọi vợ chồng ông N sang và thỏa thuận bán cho vợ chồng ông phần đất ao khoảng hơn 200m^2, phần đất này tiếp giáp với đất của gia đình ông ở phía sau và giáp với phần đất của vợ chồng B M đang ở. Ông N và cụ H3 thỏa thuận giá mua bán đất ao, nhưng hai bên chưa thống nhất thì cụ H3 chết.

Khoảng năm 2005-2006 vợ chồng ông A, bà O đã thực hiện đúng di nguyện của bố mẹ trước khi chết là bán đất ao cho vợ chồng ông N, nhưng giá bán đất là 50 triệu đồng, ông A có mời cơ quan chuyên môn đến đo đạc, bàn giao đất, việc mua bán đất mặc dù không có có sự chứng kiến của các chị em trong gia đình nhưng việc này mọi người đều biết và không có ý kiến gì. Hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ giao đất và trả tiền.

Vợ chồng ông N thuê người đến đổ đất lấp ao và xây dựng công trình, các chị em trong gia đình ông A, bà Ng đều biết và không có ý kiến hay tranh chấp gì. Đối với diện tích 216m^2 đã mua của ông A, ông N chưa làm các thủ tục tách đất nhưng ông bà B M cũng đã nhất trí sau này sẽ có trách nhiệm tách phần diện tích đất này từ GCNQSDĐ của ông bà B M cho gia đình ông.

Do thường xuyên làm ăn buôn bán ở bên Lào, nên ông bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa của Tòa án.

**** Tại Biên bản làm việc ngày 10/7/2023 ông Ngô Thế Q1 - nguyên là Trưởng thôn Hồng Cúm, xã Thanh An, huyện Điện Biên trình bày:***

Ông Q1 làm trưởng thôn Hồng Cúm, xã Thanh An từ năm 2003 đến năm 2014. Từ năm 2020 đến nay ông làm công tác Bí thư Chi bộ của thôn Hồng Cúm. Khi còn công tác, ông là đồng nghiệp với cụ Vũ Văn Th, cụ Bùi Thị H3 từ năm 1983 và cùng là hàng xóm, sinh sống tại: thôn Hồng Cúm, xã Thanh A từ năm 1990 cho đến nay. Trong thời gian sinh sống và công tác cùng hai cụ Th H3 ông Q1 biết hai cụ có 08 người con là: Vũ Thị H (tên thường gọi là Vũ Thị Ng), Vũ Thị M1, Vũ Thị S, Vũ Thị Tr, Vũ Thị B, Vũ Tiến A, Vũ Thị T, Vũ Thị H1. Cụ Th và cụ H3 có nhà, đất tại thôn Hồng Cúm, xã Thanh An nhưng cụ thể diện tích là bao nhiêu ông không nắm được. Sau khi cụ H3 chết, tối ngày 15/8/2004 các con của cụ đã tổ chức họp gia đình về việc phân chia tài sản của hai cụ, ông Q1 không được tham gia. Biên bản họp có chữ ký của ông là vì sau khi thống nhất được các nội dung họp, một trong số những người con cụ H3 mang biên bản đến cho ông Q1 xem và ký, do thời gian đã quá lâu ông không nhớ ai là người đưa Biên bản đến cho ông ký.

Khi hai cụ Th H3 còn sống đã thỏa thuận mua bán đất với vợ chồng ông Đào Văn N, bà Trần Thị H2. Cụ thể: hai cụ bán cho vợ chồng N H1 một phần diện tích đất ao với giá khoảng 45 triệu đồng, vị trí đất ao bán cho vợ chồng ông N, bà H1 là: Phía ngoài giáp sông Nậm Rốm, có vị trí phía sau mảnh đất của nhà B M. Sau khi mua đất ao xong vợ chồng ông N, bà H1 đã san lấp, cải tạo mặt bằng xây nhà trên đất. Việc xây dựng này theo như ông Q1 nhớ là khi cụ H3 còn sống.

Do là trưởng thôn sinh sống nhiều năm ở đây ông được biết khi hai cụ còn sống, vị trí con đường đi vào nhà hai cụ trước đây đi từ đường nhựa 279 vào có chiều dài 30 mét, chiều rộng 3-5 mét giáp với thửa đất của ông bà Cựa, sau đó ông bà Cựa đã bán cho Ah Đào Văn Hòa hiện nay đang mở xưởng sản xuất tôn Hoa Sen.

Vụ việc tranh chấp đất đai của các con hai cụ Th H3 đã kéo dài từ 2009 cho đến nay, qua nhiều cấp giải quyết nhưng đến nay các con hai cụ vẫn chưa tìm được tiếng nói chung. Ông Q1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 184, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 147, điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 149, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 633, Điều 635, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 24/2018/AL và Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng và yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị S.

1.1. Xác định hàng thừa kế của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3 gồm 08 người: bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác: Vũ Thị H), bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị Tr, bà Vũ Thị B, ông Vũ Tiến A, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H1.

1.2. Di sản thừa kế gồm: Diện tích đất 2.854,4m^2, trong đó có: 634,4 m^2 đất ở (ONT), 2.220m^2 đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh A, huyện Điện Biên có tổng giá trị là: 2.483.328.000 đồng *(hai tỷ, bốn trăm tám mươi ba triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).*

1.3. Chia di sản là quyền sử dụng đất cho 08 thừa kế. Cụ thể:

- Các bà Vũ Thị Ng, Vũ Thị S, Vũ Thị M1, Vũ Thị Tr, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1, mỗi người được hưởng: 387,65m^2 đất, bao gồm: 79.3m^2 đất ở (ONT), 308,35m^2 đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), tương đương mỗi người được hưởng giá trị tài sản là: 337.255.500 đồng *(ba trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).*

- Ông Vũ Tiến A được chia 140,8m^2 đất, bao gồm: 79,3m^2 đất ở (ONT) và 61,5m^2 đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), có giá trị là: 122.496.000 đồng *(một trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).*

Chấp nhận việc bà Vũ Thị Tr nhường kỷ phần thừa kế cho ông Vũ Tiến A. Theo đó, ông Vũ Tiến A được hưởng: 528,5m^2 đất, trong đó có: 158,6m^2 đất ở (ONT) và 369,9m^2 đất bằng trồng cây hằng năm khác (BHK), có giá trị là:

459.751.500 đồng *(bốn trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm đồng).*

1.4. Vị trí đất chia như sau:

* Thửa đất được chia cho ông Vũ Tiến A là thửa đất có vị trí từ mốc N1-A1-C2-A3-M27-C1-M28-M29-M10-N2-N1. Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đường đất 05 mét và thửa đất của A O (1636a).

- Phía Tây giáp đất ông Hòa và đất chia cho 06 chị em.

- Phía Nam giáp đất ông Đào Văn Hòa.

- Phía Bắc giáp đất chia cho 6 chị em (Ng, S, B, T, H1, M1).

(được thể hiện tại Sơ đồ chia đất - đính kèm bản án sơ thẩm).

* Thửa đất được chia cho 06 chị em gồm: bà Vũ Thị Ng (Vũ Thị H), bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H1 là thửa đất có vị trí từ mốc A1-M3-M4-M6-M11-M11a-M12-M13-M14-M15-M16-M17-M18-M19-M20-M21-M22-M23-M24-M25-M26-A3-C2-A1. Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất nhà ông N, bà H1 và giáp đất nhà ông bà M B (thửa 1636b), một phần giáp đường đi chung rộng 5 mét.

- Phía Tây giáp đất ông Đào Văn Hòa và một phần giáp suối.

- Phía Nam giáp đất chia cho ông Vũ Tiến A và giáp đất ông Đào Văn Hòa.

- Phía Bắc giáp suối, đất ông Đào Văn Hòa, đất bà Lý.

(được thể hiện tại Sơ đồ chia đất - đính kèm bản án sơ thẩm).

1.5. Buộc ông Vũ Tiến A, bà Phan Vũ Kiều O phải trả lại diện tích đất 79,8m^2 làm đường đi chung của các đồng thừa kế *(được ghi chú là Khu A trên Sơ đồ chia đất, đính kèm bản án sơ thẩm).*

1.6. Xác định đường đi chung từ đường Quốc lộ 279 vào thửa đất chia cho các thừa kế có tổng diện tích: 152,1m^2 (R: 6,09m + 5,44m, D: 26,9m + 26,17m) *(được ghi chú là Khu A và B trên Sơ đồ chia đất - đính kèm bản án sơ thẩm).*

1.7. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS427737, số vào sổ CH00342 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp ngày 01/01/2014 mang tên Vũ Tiến A và Phan Vũ Kiều O.

1.8. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B106117, số vào sổ 440/QSDĐ/01 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp ngày 01/10/1996 mang tên Vũ Thị B.

1.9. Yêu cầu UBND huyện Điện Biên thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Tiến A, bà Phan Vũ Kiều O và bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M theo đúng diện tích đã được xác định trong bản án.

1.10. Các ông, bà: Vũ Thị Ng, Vũ Thị S, Vũ Thị M1, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1, Vũ Tiến A có quyền liên hệ với cơ quA nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia

thừa kế và phải chịu các nghĩa vụ tài chính với nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Vũ Tiến A về việc yêu cầu bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M trả lại cho ông A ½ số tiền lợi tức từ việc khai thác hoa màu trên vườn đất của bố mẹ để lại là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*. Ông Vũ Tiến A có quyền khởi kiện nội dung này bằng vụ án dân sự khác.

3. Không xem xét, giải quyết yêu cầu bổ sung của ông Vũ Tiến A về việc chia thừa kế 300m^2 đất trồng lúa của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3, tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh A, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Ông Vũ Tiến A có quyền khởi kiện nội dung này bằng vụ án dân sự khác.

4. Về chi phí tố tụng:

- Các bà Vũ Thị S, Vũ Thị Tr, Vũ Thị M1, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người phải trả cho bà Vũ Thị Ng số tiền chi phí tố tụng là 4.778.125 đồng *(bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).*

- Ông Vũ Tiến A phải trả cho bà Vũ Thị Ng chi phí tố tụng với số tiền là 9.556.250 đồng *(chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).*

5. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Vũ Thị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các ông, bà Vũ Thị S, Vũ Thị Tr, Vũ Thị M1, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1, Vũ Tiến A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền chi phí tố tụng cho bà Ng thì hàng tháng các ông, bà còn phải trả tiền lãi suất cho bà Ng. Mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

- Ông Vũ Tiến A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là: 22.986.225 đồng *(hai mươi hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng).*

- Các bà Vũ Thị M1, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là: 16.862.775 đồng *(mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng).*

- Bà Vũ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là: 16.862.775 đồng *(mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng),* nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000061 ngày 13/03/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên; bà S còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 16.562.775 đồng *(mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng)*.

- Bà Vũ Thị Ng được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Vũ Tiến A đã nộp là 1.250.000 đồng *(một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*

theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002230 ngày 20/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2024, bị đơn là ông Vũ Tiến A có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Ngày 04/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA là bà Vũ Thị M1 có đơn kháng cáo đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế, diện và hàng thừa kế, công sức duy trì, bảo quản, tôn tạo di sản và xem xét nguyện vọng của các đồng thừa kế, phân chia di sản theo giá trị và theo hiện vật cho các đồng thừa kế là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ cấp cho hộ ông A và hộ bà B có sự thay đổi do xác định lại diện tích đất thực tế được quản lý, sử dụng hợp pháp và một phần diện tích đất được xác định là di sản thừa kế để chia cho các đồng thừa kế. Vì vậy cần thiết hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 427737 do UBND huyện Biên Biên cấp ngày 01/01/2014 cho ông Vũ Tiến A, bà Phan Thị Kiều O và GCNQSDĐ số B 106117 do UBND huyện Điện Biên cấp ngày 01/10/1996 cho bà Vũ Thị B để cấp lại theo đúng diện tích đất được quản lý sử dụng.

Đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu bổ sung của bị đơn ông A về việc buộc bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M phải trả ½ số tiền lợi tức từ việc khai thác hoa màu trên đất của bố mẹ, tuy nhiên do được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông A và Người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt không có lý do nên được xác định là từ bỏ yêu cầu, đồng thời yêu cầu bổ sung của ông A được đưa ra sau nhiều lần mở phiên họp công khai chứng cứ và vượt quá phạm vi yêu cầu bA đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 201, khoản 1 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông A, giành quyền cho ông A khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác là đúng quy định.

Đối với kháng cáo của bà Vũ Thị M1: Xét thấy bà M1 là người cao tuổi (bà M1 sinh năm 1964) thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Quốc hội, bà M1 có đơn xin miễn án phí, vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M1.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Tiến A; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng miễn án phí cho bà Vũ Thị M1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Ngày 03/6/2022, Toà án nhân dân huyện Điện Biên đã thụ lý vụ án dân sự số 37/2022/TLST-DS, về việc "TrAh chấp thừa kế tài sản" giữa bà Vũ Thị Ng với ông Vũ Tiến A. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/02/2023, bà Vũ Thị H (Ng) bổ sung yêu cầu khởi kiện và bà Vũ Thị S bổ sung yêu cầu độc lập với nội dung yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số BS 427737 ngày 01/01/2014, số vào sổ GCN CH00342 do UBND huyện Điện Biên cấp cho ông Vũ Tiến A và bà Phan Vũ Kiều O. Ngày 28/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên có Quyết định số 01/2023/QĐST-DSTC về việc chuyển vụ án dân sự cho Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên là đúng pháp luật. Ngày 15/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án dân sự số 08/2023/TLST-DS về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền theo khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Vũ Văn Th chết ngày 18/8/1998, cụ Bùi Thị H3 chết ngày 13/8/2004. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 149, Điều 623 Bộ luật dân sự 2015; Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; mục 1, 2 Phần III Giải đáp vướng mắc số 01/GĐ-TADTC ngày 25/7/2016 và Phần I Giải đáp vướng mắc 01/GĐ-TADTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trong vụ án này vẫn còn (30 năm đối với bất động sản) nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện bA đầu, bà Vũ Thị Ng chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thửa số 1636 của cụ Th, cụ H3 và yêu cầu đòi đất đường đi trong GCNQSDĐ của ông A, bà O. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông A là bị đơn trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế đối với một phần diện tích đất do bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M đang quản lý, sử dụng (đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Vũ Thị B, Đinh Văn M); và một phần diện tích đất do

ông Vũ Tiến A, bà Phan Vũ Kiều O đang quản lý, sử dụng (đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Vũ Tiến A, Phan Vũ Kiều O). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bị đơn trong vụ án gồm: ông Vũ Tiến A, bà Phan Vũ Kiều O, bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M; đồng thời ông A, bà O, ông M, bà B còn tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành 05 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các đương sự hòa giải, thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên tại tất cả các phiên họp và hòa giải bị đơn ông Vũ Tiến A, bà Phan Vũ Kiều O đều vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được là đúng theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Tiến A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[II] Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Vũ Văn A, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Xác định thời điểm mở thừa kế:

Cụ Vũ Văn Th chết ngày 18/8/1998, cụ Bùi Thị H3 chết ngày 13/8/2004, khi chết các cụ đều không để lại di chúc; căn cứ khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm mở thừa kế đối với tài sản của cụ Vũ Văn Th là năm 1998 và cụ Bùi thị H3 là năm 2004 là đúng pháp luật.

Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thôn Hồng Cúm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005 xác định đây là địa điểm mở thừa kế. Tuy thời điểm mở thừa kế của cụ Th và cụ H3 khác nhau, nhưng người thừa kế và di sản thừa kế không thay đổi, di sản thừa kế được xác định là toàn bộ quyền sử dụng đất còn lại của hai cụ chưa chia. Tòa án cấp sơ thẩm lấy thời điểm cụ H3 chết làm cơ sở để chia di sản thừa kế của hai cụ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.2] Xác định hàng thừa kế, điều kiện hưởng thừa kế:

Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và lời khai của các đương sự thể hiện, cụ Th và cụ H3 sinh được 08 người con chung là: bà Vũ Thị H (tên gọi khác: Vũ Thị Ng), bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị Tr, bà Vũ Thị B, ông Vũ Tiến A, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H1. Ngoài ra, hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác.

Tại các thời điểm mở thừa kế cho đến khi Tòa án giải quyết trAh chấp, các con của hai cụ đều còn sống. Căn cứ Điều 635 Bộ luật dân sự năm 2005 thì 08 người con có tên nêu trên được xác định là người thừa kế và có đủ điều kiện được hưởng di sản thừa kế. Do cụ Th, cụ H3 chết không để lại di chúc nên di sản thừa

kế được chia theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cả 08 người con của hai cụ đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng phần di sản bằng nhau là đúng theo Điều 635 Bộ luật dân sự năm 2005.

[1.3] Về nguồn gốc đất:

Các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khi còn sống, cụ Th và cụ H3 khai hoAg, tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất có diện tích khoảng hơn 3.440m^2, một ngôi nhà xây 03 giA lợp ngói đỏ, sân gạch, cùng với bếp, chuồng lợn, nhà tắm, nhà vệ sinh và một số cây ăn quả, tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã ThAh A, huyện Điện Biên.

Do gia đình đông con, kinh tế khó khăn, không có nhiều tiền để nộp thuế đất, để tránh việc nhà nước thu hồi đất nên hai cụ đã chia tách đất thành 03 thửa: 1636, 1636a, 1636b tờ bản đồ 361-E.

- Thửa 1636 do hai cụ quản lý, sử dụng, trên thửa đất này có ngôi nhà xây 3 giA lợp ngói đỏ, sân gạch, cùng với bếp, chuồng lợn, nhà tắm, nhà vệ sinh và một số cây ăn quả. Tại sổ địa chính số 26, quyển số 05 hồ sơ địa chính xã ThAh A thì thửa đất 1636 có diện tích 2400m^2 gồm: 400m^2 đất thổ cư, 2000m^2 đất vườn, mAg tên chủ sử dụng đất Vũ Văn Th (BL 213).

- Thửa 1636a hai cụ nhờ con gái là Vũ Thị S đứng tên quản lý và kê khai đăng ký, năm 1998 bà S được UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSDĐ với diện tích 508m^2.

- Thửa 1636b hai cụ nhờ con gái là Vũ Thị B đứng tên quản lý và kê khai đăng ký, năm 1996 bà B được UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSDĐ với diện tích 532m^2.

Thửa 1636a và thửa 1636b đều tiếp giáp với đường Quốc lộ 279. Thửa 1636 nằm phía sau hai thửa 1636a, 1636b và có một lối đi từ đường quốc lộ vào, rộng khoảng 5 mét.

[1.4] Quá trình sử dụng đất:

Thời điểm cả hai cụ Th H3 còn sống đã cho vợ chồng bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M 7 mét đất chiều rộng tiếp giáp đường Quốc lộ 279, chiều dài khoảng 26 mét. Năm 1993 ông B, bà M dựng nhà gỗ, đến năm 2003 phá nhà gỗ, xây nhà hai tầng trên phần đất được hai cụ cho.

Sau khi cụ Th chết, cụ H3 đã chia một phần đất của hai cụ cho các con, cụ thể: chia cho vợ chồng bà B, ông M 7 mét đất giáp mặt đường Quốc lộ 279 như khi cụ Th còn sống, chiều dài bằng với vị trí tường bao phía sau, ông B, bà M đã xây dựng theo vị trí cụ H3 chỉ. Chia cho ông A 8 mét giáp mặt đường Quốc lộ 279. Chia cho bà S 4 mét giáp mặt đường Quốc lộ 279; còn lại 05 bà Ng, bà M1, bà Tr, bà T, bà H1, mỗi người 01 mét đất chiều rộng giáp mặt đường Quốc lộ 279; phần đất còn lại có chiều rộng khoảng hơn 5m thì làm đường đi vào thửa đất 1636; vợ chồng bà B, ông M có trách nhiệm tách đất cho 05 chị em. Chiều dài của các

phần đất cụ H3 cho đều ngang bằng với tường bao phía sau của gia đình bà B, ông M.

Sau đó vợ chồng bà B, ông M đã mua 5 mét đất của 05 chị em và xây tường bao quanh phần đất được bố mẹ cho và mua của 5 chị em theo đúng ranh giới, mốc giới được cụ H3 chỉ. Vợ chồng ông A, bà O đã mua 4 mét của bà S và đã được cấp GCNQSDĐ. Các chị em trong gia đình đã tự nguyện thực hiện việc phân chia, chuyển nhượng đất cho nhau mà không có trAh chấp gì.

Các nội dung này được các đương sự thống nhất xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án, phù hợp với Biên bản họp gia đình ngày 15/8/2004.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Án lệ số 24/2018/AL, phần diện tích đất hai cụ cho bà B, ông M và diện tích đất cụ H3 chia cho các con, đã được các con tự thực hiện phân chia được xác định là quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân mà không phải là di sản thừa kế.

Án lệ số 24/2018/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân: *"Nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng mà một người chết trước. Người còn lại và các thừa kế của người chết trước đã thống nhất phân chia nhà, đất. Thỏa thuận phân chia không vi phạm quyền lợi của bất cứ thừa kế nào. Việc phân chia nhà, đất đã được thực hiện trên thực tế và đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ về đất đai. Sau khi người còn lại chết mới phát sinh trAh chấp. Trường hợp này, phải xác định nhà, đất đó đã chuyển thành quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của các cá nhân. Những người này chỉ có quyền khởi kiện đòi lại nhà, đất được chia đAg bị người khác chiếm hữu, sử dụng bất hợp pháp mà không có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà, đất".*

Căn cứ vào lời khai của bà Ng, bà S, bà B, bà M1, bà H1, bà T, ông A, bà Tr, ông M, bà OAh trong quá trình giải quyết vụ án; căn cứ vào kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2023, xác định phần diện tích đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của ông A, bà OAh, của ông M, bà B gồm:

- Thửa 1636a của ông A, bà O có chiều rộng 12 mét tiếp giáp đường Quốc lộ 279, rộng phía sau 12 mét, chiều dài 26,17m + 19,36 mét (xác định theo tường bao phía sau nhà bà B, ông M), tổng diện tích 307,4m^2, tại GCNQSD đất số BS427737, số vào sổ CH00342 của UBND huyện Điện Biên cấp ngày 01/01/2014 mAg tên Vũ Tiến A và PhA Vũ Kiều OAh.

- Thửa 1636b của ông M, bà B có chiều rộng 12,07 mét tiếp giáp đường Quốc lộ 279, rộng phía sau 11,94 mét, chiều dài 26,9m + 27,02 mét, tổng diện tích 323,6m^2, tại GCNQSD đất số B106117, số vào sổ 440/QSDĐ/01 của UBND huyện Điện Biên cấp ngày 01/10/1996 mAg tên Vũ Thị B.

Các phần diện tích đất này không phải là di sản thừa kế, mà là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của gia đình ông Vũ Tiến A, bà Vũ Thị B nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.5] Đối với diện tích đất ao 216m^2:

Sau khi cụ H3 chết, năm 2005 ông A tự ý bán một phần đất ao là 216m^2 cho vợ chồng ông Đào Văn N, bà Trần Thị H2 với giá là 50 triệu đồng, mà không trao đổi, bàn bạc với các chị em trong gia đình, số tiền bán đất ông A chi tiêu riêng.

Về bản chất đây là tài sản của cụ Th, cụ H3 để lại nên là di sản thừa kế. Tuy nhiên, tại thời điểm ông N, bà H1 đổ đất lấp ao, xây dựng nhà, các đồng thừa kế đều biết nhưng không có ý kiến phản đối, ngăn chặn hoặc trAh chấp nên coi như đã đồng thuận với việc chuyển nhượng này của ông A; gia đình ông N, bà H1 sử dụng ổn định từ năm 2006 đến nay. Nội dung này hoàn toàn thống nhất với các lời khai của ông N (BL 586), ông A (BL 466-468), bà OAh (BL 505-506), bà Ng (BL 509-510), bà S (BL 492-493), bà B, ông M (BL 511-512) và phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Ngô Thế Quyền (BL 508).

Quá trình giải quyết vụ án, các thừa kế không yêu cầu giải quyết trAh chấp với ông N, bà H1, không yêu cầu chia phần đất này, mà đề nghị khấu trừ 216m^2 vào phần di sản ông A được hưởng thừa kế; ông A cũng nhất trí với yêu cầu này.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các đồng thừa kế, đồng thời đảm bảo tính ổn định của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với người thứ ba, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết chia bằng đất đối với 216m^2 cho các thừa kế, mà chấp nhận khấu trừ 216m^2 đất vào phần di sản thừa kế chia cho ông A là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.6] Đối với đất đường đi vào thửa 1636:

Theo lời khai của 08 chị em, bà OAh, ông Quyền, ông N thì phần đất đường đi vào thửa 1636 từ khi hai cụ còn sống có chiều rộng khoảng 5 mét, giáp với đất của gia đình ông Đào Văn Hòa. Sau khi cụ H3 chết, các chị em phân chia đất cho nhau theo lời cụ H3 dặn, đồng thời chuyển vị trí con đường này vào giữa hai thửa đất 1636a, 1636b. Như vậy, con đường đi vào thửa đất 1636 có chiều rộng 5 mét là có thật, được thể hiện trong các bản tự khai, lời khai, Biên bản họp gia đình ngày 15/8/2004 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2023 thể hiện: đường đi vào thửa 1636 có chiều rộng tiếp giáp Quốc lộ 279 là 3,06 mét, phần chiều rộng phía sau của con đường là 2,29 mét, tổng diện tích là 72,3m^2 (R 3,06m + 2,41m, D 26,90m + 26,44m) *(được ghi chú là Khu B trên bản đồ đính kèm bản án sơ thẩm).*

Theo hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của ông Vũ Tiến A năm 2007 thể hiện Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà S và ông A bao gồm cả phần diện tích đất đường đi vào thửa 1636 là 3,03 mét.

Sau khi xác định phần diện tích đất ông A, bà OAh được quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp nêu tại phần [1.4], một phần đất còn lại được xác định là đất lối đi vào thửa 1636, một phần được xác định là đất di sản thừa kế. Trong đó, phần đất được xác định là đường đi vào thửa 1636 có diện tích 79,8m^2 (R

3,03m + 3,03m, D 26,17m + 26,44m) *(được ghi chú là Khu A trên bản đồ đính kèm bản án sơ thẩm).*

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông A, bà O phải trả lại phần diện tích đất này để gộp vào với phần đất đường đi cũ để làm đường đi chung của các thừa kế. Theo đó, đường đi chung của các thừa kế vào thửa đất 1636 có tổng diện tích: 72,3m^2 (Khu A) + 79,8m^2 (Khu B) = 152,1m^2 *(được thể hiện trên Bản đồ chia đất đính kèm bản án sơ thẩm)* là có căn cứ.

[1.7] Xác định di sản thừa kế.

Như đã nhận định, phân tích ở các phần trên, thấy rằng: ngoài diện tích đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của ông bà A O, ông bà M B nêu tại mục [1.4], diện tích đất ông N, bà H1 đang quản lý sử dụng đã nêu tại mục [1.5] và diện tích đất đường đi chung nêu tại mục [1.6], phần diện tích đất còn lại của thửa 1636a, 1636b và thửa 1636 đều là di sản của cụ Th, cụ H3 để lại.

Theo kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2023 và Văn bản số 124/UBND-TNMT ngày 19/01/2024 của UBND huyện Điện Biên về việc xác định vị trí đất, loại đất (BL 1092) thì di sản thừa kế bao gồm:

- Thửa đất 1636 có diện tích là 2.603,4m^2 (trong đó: đất ở là 400m^2, đất nông nghiệp là 2.220m^2).

- Thửa đất 1636b có diện tích 74,0m^2, loại đất thổ cư (ONT), là phần đất bên ngoài tường bao của gia đình bà B, ông M.

- Thửa đất 1636a có diện tích 160,4m^2, loại đất thổ cư (ONT), là phần đất phía cuối thửa đất và giáp với thửa đất 1636.

- 16,6m^2 đất đường đi chung tính từ tường bao của gia đình bà B, ông M đến sân gạch của thửa 1636, được xác định tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2023 *(thể hiện trên Sơ đồ xem xét thẩm định đính kèm bản án sơ thẩm)*. Do xác định đường đi chung đến phần tường bao nhà bà B, ông M nên phần diện tích 16,6m^2 này là di sản thừa kế nhập vào các phần đất còn lại để chia cho các đồng thừa kế.

Như vậy, tổng diện tích đất là di sản của cụ Th, cụ H3 là: **2.854,4m^2**, trong đó gồm: đất ở (ONT) 634,4m^2, đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 2.220m^2.

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá được Công ty cổ phần thẩm định giá - dịch vụ Nghĩa Hưng thực hiện ngày 06/6/2024, giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của cụ Th, cụ H3 ở vị trí 2, có lối đi rộng 5 mét tại thôn Hồng Cúm, xã ThAh A, huyện Điện Biên có giá 870.000 đồng/m^2.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng diện tích đất là di sản thừa kế của cụ Th, cụ H3 được xác định giá trị như sau: **2.854,4m^2** (trong đó có 634,4m^2 đất ở, 2.220m^2 đất bằng trồng cây hàng năm khác) x 870.000 đồng/m^2 = **2.483.328.000 đồng** *(hai tỷ, bốn trăm tám mươi ba triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng)* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.8] Xét về suất hưởng thừa kế.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất là các con đẻ của cụ Th, cụ H3 gồm: bà Vũ Thị H (tên thường gọi là Vũ Thị Ng), bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị Sa, bà Vũ Thị Tr, bà Vũ Thị B, ông Vũ Tiến A, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H1.

Xét cả quá trình giữ gìn, bảo quản và tôn tạo di sản thì bà B có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc trông coi, bảo quản, giữ gìn di sản. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà B không yêu cầu được thAh toán chi phí quản lý di sản nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng.

Như vậy, các ông, bà Vũ Thị H (tên thường gọi là Vũ Thị Ng), Vũ Thị M1, Vũ Thị S, Vũ Thị Tr, Vũ Thị B, Vũ Tiến A, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 (là các đồng thừa kế) có quyền hưởng di sản thừa kế ngAg nhau.

[1.9] Chia di sản thừa kế như sau:

Di sản là **2.854,4m^2** đất (634,4m^2 đất ONT, 2.220m^2 đất BHK) sẽ được chia đều cho các thừa kế gồm: bà H, bà M1, bà S, bà Tr, bà B, ông A, bà T, bà H1. Mỗi người được chia 356,8m^2 đất, trong đó mỗi người được hưởng 79,3m^2 đất ở (ONT); 277,5m^2 đất bằng trồng cây hằng năm khác (BHK).

Riêng ông A bị khấu trừ 216m^2 vào phần đất vườn (BHK). Theo đó, phần di sản thừa kế ông Vũ Tiến A được hưởng là 140,8m^2 (trong đó: đất ở 79,3m^2, đất bằng trồng cây hàng năm khác 61,5m^2). Tương đương với giá trị tài sản được hưởng là 122.496.000 đồng *(một trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).*

Diện tích đất vườn còn lại là: 2.220m^2 - 61,5m^2 = 2.158,5m^2 được chia cho 07 thừa kế còn lại (các bà Ng, S, B, Tr, T, M1, H1). Theo đó, mỗi người được hưởng 308,35m^2 đất vườn (BHK).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định 07 chị em còn lại gồm các bà: Vũ Thị H (tên thường gọi là Vũ Thị Ng), Vũ Thị M1, Vũ Thị S, Vũ Thị Tr, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người được hưởng 387,65m^2 đất, trong đó: đất ở 79,3m^2, đất bằng trồng cây hàng năm khác 308,35m^2), tương đương giá trị được hưởng là 337.255.500 đồng *(ba trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng)* là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với suất thừa kế của bà Vũ Thị Tr: bà Tr có văn bản nhường kỷ phần thừa kế cho ông Vũ Tiến A (Văn bản trình bày ý kiến ngày 30/9/2019). Xét thấy đề nghị của bà Tr là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, di sản thừa kế ông A được hưởng là: 140,8m^2 + 387,65m^2 (của Tr) = 528,5m^2 (trong đó: đất ở 158,6m^2; đất bằng trồng cây hằng năm khác 369,9m^2), có giá trị là 459.751.500 đồng *(bốn trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm đồng).*

[1.10] Xét nguyện vọng chia đất:

Quá trình giải quyết ông A, bà Tr đề nghị diện tích đất được chia cho hai người được gộp chung thành 01 thửa đất nối liền với phần đất phía trước của gia đình ông A, bà O (thửa 1636a). 06 thừa kế còn lại gồm bà H, bà M1, bà S, bà B, bà T, bà H1 cùng thống nhất đề nghị Tòa án chia quyền sử dụng đất cho các bà thành một thửa đất chung, mà không tách riêng từng thửa đất, mảnh đất được chia chung cho 06 chị em nối liền với đất của ông M, bà B. Xét nguyện vọng này của các thừa kế là chính đáng, phù hợp với thực tế và không trái pháp luật nên được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế là quyền sử dụng đất cho 08 thừa kế thành hai mảnh đất như đề nghị của các đương sự, trong đó 01 thửa của ông A (bao gồm cả phần của Tr nhường cho A); 01 thửa của chung 06 chị em các bà H, M1, S, B, T, H1 là có căn cứ, đúng pháp luật; Theo đó:

- Thửa đất chia cho ông Vũ Tiến A có diện tích 528,5m^2 (trong đó: đất ở 158,6m^2; đất bằng trồng cây hằng năm khác 369,9m^2)

- Thửa đất chia cho các bà Vũ Thị H (Vũ Thị Ng), Vũ Thị M1, Vũ Thị S, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H2 có diện tích 2.325,9m^2 (trong đó: đất ở 475,8m^2, đất bằng trồng cây hằng năm khác 1.850,1m^2).

[1.11] Đối với vật kiến trúc, cây trồng trên đất của cụ Th, cụ H3 để lại:

Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định trên thửa đất 1636 có một ngôi nhà xây 01 tầng 03 giA (hiên tây mái chảy) được xây dựng từ năm 1987, hiện đã cũ nát, mái, tường có nhiều vết nứt to, nhà xuống cấp nghiêm trong do nhiều năm không có người sử dụng và không được tu sửa; trên đất còn có nền sân, nền bếp, nền chuồng lợn xây gạch đã cũ nát, nhà vệ sinh bỏ hoAg. Tất cả các công trình xây dựng trên, các đồng thừa kế không yêu cầu chia do không còn giá trị sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng.

Đối với cây trồng trên đất: Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện trên thửa đất 1636 có một số cây ăn quả do cụ Th, cụ H3 trồng khi còn sống gồm Nhãn, Mít, Xoài, Tre nằm rải rác trên cả thửa đất. Các cây cối này do ông M, bà B trông coi, chăm sóc, bảo quản và khai thác hoa lợi. Ngoài ra, còn một số cây ăn quả, cây ngắn ngày, cây cảnh do ông M, bà B trồng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế không yêu cầu chia giá trị cây cối; ông M, bà B cũng không yêu cầu các đồng thừa kế phải thAh toán giá trị cây trồng trên đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành định giá đối với cây trồng trên đất, không xem xét, giải quyết về nội dung này là có căn cứ.

Sau khi chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, cây cối, hoa màu trên phần đất của ai được chia thì người đó có quyền sử dụng mà không phải thAh toán giá trị chênh lệch cho các thừa kế khác.

[1.12] Diện tích đất trong GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông Vũ Tiến A và gia đình bà Vũ Thị B có thay đổi do xác định lại diện tích đất thực tế được quản lý, sử dụng hợp pháp và một phần đất đã được xác định là di sản để chia cho các

thừa kế. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS427737, số vào sổ CH00342 của UBND huyện Điện Biên cấp ngày 01/01/2014 mAg tên ông Vũ Tiến A và bà PhA Vũ Kiều OAh; và hủy GCNQSDĐ số B106117, số vào sổ 440/QSDĐ/01 của UBND huyện Điện Biên cấp ngày 01/10/1996 mAg tên bà Vũ Thị B để cấp lại theo đúng diện tích đất đã được xác định trong bản án là đúng pháp luật.

[1.13] Xét yêu cầu độc lập của ông Vũ Tiến A về việc buộc bà Vũ Thị B và ông Đinh Văn M trả lại cho ông A ½ số tiền lợi tức từ việc khai thác hoa màu trên vườn đất của bố mẹ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng): Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Vũ Tiến A và bà Phan Vũ Kiều O (là người đại diện theo ủy quyền của ông A) để tham gia phiên tòa, nhưng cả 03 lần mở phiên tòa ông A, bà O đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông A, bà O "từ bỏ yêu cầu" nên quyết định đình chỉ giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Vũ Tiến A đối với bà Vũ Thị B và ông Đinh Văn M và dành quyền khởi kiện cho ông Vũ Tiến A đối với yêu cầu này bằng vụ án dân sự khác là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.14] Xét đơn bổ sung yêu cầu của ông Vũ Tiến A ngày 16/8/2024:

Trước khi mở phiên tòa lần thứ nhất, ông A gửi đơn yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 300m^2 đất ruộng (đất trồng lúa) của cụ Th, cụ H3 để lại tại: thôn Hồng Cúm, xã Thanh A, huyện Điện Biên hiện bà B đang sử dụng để trồng cấy và thu lợi trong thời giA 20 năm là 40.000.000 đồng, ông A đề nghị bà B phải trả cho ông A 1/8 số tiền trên là 5.000.000 đồng. Yêu cầu này của ông A đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã mở 05 phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đã đưa vụ án ra xét xử; ngoài ra, yêu cầu này vượt quá phạm vi yêu cầu độc lập bA đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 201, khoản 1 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét, giải quyết trong vụ án này là đúng pháp luật. Ông Vũ Tiến A có quyền khởi kiện nội dung này bằng vụ án dân sự độc lập khác.

[2] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị M1 về phần án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy:

Bà Vũ Thị M1 sinh năm 1964, khi xét xử sơ thẩm bà M1 60 tuổi, là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà M1 có đơn xin miễn án phí, do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M1. Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị M1.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H (Vũ Thị Ng) và yêu

cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA bà Vũ Thị S là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị đơn ông Vũ Tiến A kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông A. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1 kháng cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[III] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Tiến A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Vũ Thị M1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Bác kháng cáo của bị đơn ông Vũ Tiến A;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M1;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên về phần án phí sơ thẩm đối với bà Vũ Thị M1, cụ thể:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 184, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 147, điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 149, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 633, Điều 635, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 24/2018/AL và Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng và yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị S.

1.1. Xác định hàng thừa kế của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3 gồm 08 người: bà Vũ Thị Ng (tên gọi khác: Vũ Thị H), bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị Tr, bà Vũ Thị B, ông Vũ Tiến A, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H1.

1.2. Di sản thừa kế gồm: Diện tích đất 2.854,4m^2, trong đó có: 634,4 m^2 đất ở (ONT), 2.220m^2 đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thanh A, huyện Điện Biên có tổng giá trị là: 2.483.328.000 đồng *(hai tỷ, bốn trăm tám mươi ba triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).*

1.3. Chia di sản là quyền sử dụng đất cho 08 thừa kế, cụ thể:

- Các bà Vũ Thị Ng, Vũ Thị S, Vũ Thị M1, Vũ Thị Tr, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1, mỗi người được hưởng: 387,65m^2 đất, bao gồm: 79.3m^2 đất ở (ONT), 308,35m^2 đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), tương đương mỗi người được hưởng giá trị tài sản là: 337.255.500 đồng *(ba trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).*

- Ông Vũ Tiến A được chia 140,8m^2 đất, bao gồm: 79,3m^2 đất ở (ONT) và 61,5m^2 đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), có giá trị là: 122.496.000 đồng *(một trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).*

Chấp nhận việc bà Vũ Thị Tr nhường kỷ phần thừa kế cho ông Vũ Tiến A. Theo đó, ông Vũ Tiến A được hưởng: 528,5m^2 đất, trong đó có: 158,6m^2 đất ở (ONT) và 369,9m^2 đất bằng trồng cây hằng năm khác (BHK), có giá trị là: 459.751.500 đồng *(bốn trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm đồng).*

1.4. Vị trí đất chia như sau:

* Thửa đất được chia cho ông Vũ Tiến A là thửa đất có vị trí từ mốc N1-A1-C2-A3-M27-C1-M28-M29-M10-N2-N1. Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đường đất 05 mét và thửa đất của A O (1636a).

- Phía Tây giáp đất ông Hòa và đất chia cho 06 chị em.

- Phía Nam giáp đất ông Đào Văn Hòa.

- Phía Bắc giáp đất chia cho 6 chị em (Ng, S, B, T, H1, M1).

(được thể hiện tại Sơ đồ chia đất - đính kèm bản án sơ thẩm).

* Thửa đất được chia cho 06 chị em gồm: bà Vũ Thị Ng (Vũ Thị H), bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị M1, bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H1 là thửa đất có vị trí từ mốc A1-M3-M4-M6-M11-M11a-M12-M13-M14-M15-M16-M17-M18-M19-M20-M21-M22-M23-M24-M25-M26-A3-C2-A1. Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất nhà ông N, bà H1 và giáp đất nhà ông bà M B (thửa 1636b), một phần giáp đường đi chung rộng 5 mét.

- Phía Tây giáp đất ông Đào Văn Hòa và một phần giáp suối.

- Phía Nam giáp đất chia cho ông Vũ Tiến A và giáp đất ông Đào Văn Hòa.

- Phía Bắc giáp suối, đất ông Đào Văn Hòa, đất bà Lý.

(được thể hiện tại Sơ đồ chia đất - đính kèm bản án sơ thẩm).

1.5. Buộc ông Vũ Tiến A, bà Phan Vũ Kiều O phải trả lại diện tích đất 79,8m^2 làm đường đi chung của các đồng thừa kế *(được ghi chú là Khu A trên Sơ đồ chia đất, đính kèm bản án sơ thẩm).*

1.6. Xác định đường đi chung từ đường Quốc lộ 279 vào thửa đất chia cho các thừa kế có tổng diện tích: 152,1m^2 (R: 6,09m + 5,44m, D: 26,9m + 26,17m) *(được ghi chú là Khu A và B trên Sơ đồ chia đất - đính kèm bản án sơ thẩm).*

1.7. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS427737, số vào sổ CH00342 của Ủy bA nhân dân huyện Điện Biên cấp ngày 01/01/2014 mAg tên Vũ Tiến A và PhA Vũ Kiều O.

1.8. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B106117, số vào sổ 440/QSDĐ/01 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên cấp ngày 01/10/1996 mang tên Vũ Thị B.

1.9. Yêu cầu UBND huyện Điện Biên thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Tiến A, bà PhA Vũ Kiều O và bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M theo đúng diện tích đã được xác định trong bản án.

1.10. Các ông, bà: Vũ Thị Ng, Vũ Thị S, Vũ Thị M1, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1, Vũ Tiến A có quyền liên hệ với cơ quA nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia thừa kế và phải chịu các nghĩa vụ tài chính với nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Vũ Tiến A về việc yêu cầu bà Vũ Thị B, ông Đinh Văn M trả lại cho ông A ½ số tiền lợi tức từ việc khai thác hoa màu trên vườn đất của bố mẹ để lại là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*. Ông Vũ Tiến A có quyền khởi kiện nội dung này bằng vụ án dân sự khác.

3. Không xem xét, giải quyết yêu cầu bổ sung của ông Vũ Tiến A về việc chia thừa kế 300m^2 đất trồng lúa của cụ Vũ Văn Th và cụ Bùi Thị H3, tại địa chỉ: thôn Hồng Cúm, xã Thnh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Ông Vũ Tiến A có quyền khởi kiện nội dung này bằng vụ án dân sự khác.

4. Về chi phí tố tụng:

- Các bà Vũ Thị S, Vũ Thị Tr, Vũ Thị M1, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người phải trả cho bà Vũ Thị Ng số tiền chi phí tố tụng là 4.778.125 đồng *(bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).*

- Ông Vũ Tiến A phải trả cho bà Vũ Thị Ng chi phí tố tụng với số tiền là 9.556.250 đồng *(chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).*

5. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Vũ Thị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các ông, bà Vũ Thị S, Vũ Thị Tr, Vũ Thị M1, Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1, Vũ Tiến A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền chi phí tố tụng cho bà Ng thì hàng tháng các ông, bà còn phải trả tiền lãi suất cho bà Ng. Mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

- Ông Vũ Tiến A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là: 22.986.225 đồng *(hai mươi hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng).*

- Các bà Vũ Thị B, Vũ Thị T, Vũ Thị H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là: 16.862.775 đồng *(mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng).*

- Bà Vũ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là: 16.862.775 đồng *(mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng),* nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000061 ngày 13/03/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên; bà S còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 16.562.775 đồng *(mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng)*.

- Bà Vũ Thị Ng và bà Vũ Thị M1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Vũ Tiến A đã nộp là 1.250.000 đồng *(một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002230 ngày 20/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

[2]. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Vũ Thị M1.

Ông Vũ Tiến A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp tại Biên lai số 0002257 ngày 16/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAD tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học